

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 05-8-2022.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Võ Tùng Chinh**.

+ Ông **Nguyễn Thanh Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm: 1971, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị E** - Sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20 tháng 5 năm 2022, bản tự khai ngày 23 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị E kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 6 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K (nay

là huyện C), tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Ông và bà E chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên ông Đ yêu cầu ly hôn với bà E.

Về con chung: Ông Đ và bà E có ba người con chung là: Nguyễn Khánh L - Sinh ngày 11 tháng 10 năm 1991, Nguyễn Khánh V - Sinh ngày 15/10/1993 và Nguyễn Hiếu D - Sinh ngày 19/9/1999. Cả ba người con đều đã thành niên, có khả năng lao động nên ông không có yêu cầu gì liên quan đến các con.

Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ trình bày là không có.

Bị đơn là bà Trần Thị D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị E vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn*” với bà E có địa chỉ tại: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà E vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 23 tháng 6 năm 2022, đồng thời ông Đ có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà E đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ, bà E là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Ông Đ, bà E có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 1996, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của ông Đ, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa ông Đ và bà E có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa ông bà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Đồng thời bà E cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Đ với bà E đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc ly hôn với bà E là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông Đ và bà E có ba người con chung là: Nguyễn Khánh L - Sinh ngày 11 tháng 10 năm 1991, Nguyễn Khánh V - Sinh ngày 15/10/1993 và Nguyễn Hiếu D - Sinh ngày 19/9/1999. Cả ba người con đều đã thành niên, có khả năng lao động. Ông Đ không có yêu cầu gì liên quan đến con chung, bà E vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì liên quan đến con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; bà E vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên ông phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, cụ thể:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Trần Thị E.

2/ *Về con chung*: Các người con chung giữa ông Đ và bà E là: Nguyễn Khánh L - Sinh ngày 11 tháng 10 năm 1991, Nguyễn Khánh V - Sinh ngày 15/10/1993 và Nguyễn Hiếu D - Sinh ngày 19/9/1999 đều đã thành niên, có khả năng lao động và không ai có yêu cầu gì liên quan đến con chung nên không xem xét, giải quyết.

3/ *Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007603 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ *Về quyền kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị E vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên

